

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TRONG XU HƯỚNG NỀN KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

THE SITUATION AND CASHLESS PAYMENT DEVELOPMENT SOLUTION IN THE TREND OF DIGITAL ECONOMY IN VIETNAM

*Nguyễn Thuỳ Linh, Trần Ngọc Anh, Nguyễn Thị Quý**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/02/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 05/08/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 30/08/2022

Tóm tắt: Thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đang ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới. Vai trò của TTKDTM không thể phủ nhận bởi nó đáp ứng được đòi hỏi tất yếu của sản xuất, lưu thông hàng hoá và những yêu cầu của nền kinh tế hiện đại. Bên cạnh đó, TTKDTM có thể được áp dụng rộng rãi tại mọi tầng lớp dân cư và ở nhiều quốc gia. Tại Việt Nam, TTKDTM đã và đang nhận được sự quan tâm của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Việt Nam đã có những thành tựu đáng kể trong thời gian qua trong việc phát triển TTKDTM song cũng còn nhiều vấn đề còn tồn tại. Hiện nền kinh tế nước ta đang có xu hướng trở thành nền kinh tế số, chính vì thế mà việc phát triển TTKDTM lại càng trở nên có vai trò quan trọng bởi điều này sẽ giúp thúc đẩy nền kinh tế số. Bài viết này sẽ làm rõ vai trò của TTKDTM trong xu hướng nền kinh tế số tại Việt Nam, sau đó sẽ đi sâu phân tích thực trạng và đưa ra những gợi ý giải pháp cũng như kiến nghị nhằm phát triển dịch vụ TTKDTM tại Việt Nam.

Từ khóa: Thanh toán không dùng tiền mặt, nền kinh tế số, xu hướng nền kinh tế số, số hoá, SWOT

Abstract: Cashless payment is becoming more and more popular in the world. The role of cashless payment cannot be denied because it meets the indispensable requirements of production and circulation of goods and the requirements of the modern economy. Besides, cashless payment can be widely applied in all classes of population and in many countries. In Vietnam, cashless payment has been receiving the attention of the State, businesses and citizen. Vietnam has made remarkable achievements in the recent years in the development of cashless payments; however, there are still many remaining problems. Currently, our country's economy is tending to become a digital economy, that is why the development of cashless payments becomes even more important because this will help to promote the digital economy.. This article will clarify the role of cashless payments in the trend of the digital economy in Vietnam, then deeply analyze the situation and give some suggestions, solutions and recommendations to develop the cashless payment services in Vietnam.

Keywords: Cashless payment, digital economy, digital economy trend, digitization, SWOT

* Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Nền kinh tế thế giới phát triển như vũ bão đã đặt ra ngày càng nhiều các yêu cầu đối với hệ thống ngân hàng thương mại. Để các giao dịch kinh tế có thể thuận lợi và thông suốt, các nghiệp vụ thanh toán cần phải được phát triển theo hướng đem lại ngày càng nhiều lợi ích cho khách hàng, tạo nhiều thuận lợi cho chính ngân hàng, đồng thời đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế và tốc độ chu chuyển tiền tệ. Trong những năm gần đây, sự phát triển với tốc độ cao của khoa học công nghệ cùng với xu hướng toàn cầu hóa, tự do hóa tài chính đã khiến các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt có nhiều bước đột phá. Do đó, thanh toán không dùng tiền mặt đã và đang được nhiều quốc gia khuyến khích sử dụng, đặc biệt là đối với các giao dịch thương mại với giá trị và khối lượng lớn.

Việt Nam đã và đang bắt nhịp theo xu hướng này với những thành tựu bước đầu đáng được ghi nhận. Tuy nhiên, mặt bằng thu nhập và trình độ dân trí còn chênh lệch, chi phí ban đầu cho hạ tầng kỹ thuật phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt còn ở mức cao và nhất là thói quen thanh toán bằng tiền mặt còn phổ biến. Vì thế nước ta cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tối ưu hóa nhu cầu sử dụng từ đó tạo chuyển biến và thay đổi thói quen người tiêu dùng.

Đây cũng là chủ trương mà Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành quan tâm. Theo đó, ngày 30/12/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2545/QĐ-TTg phê duyệt đề án Thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016 đến

2020. Ngày 31/3/2017, NHNN Việt Nam ban hành Quyết định 637/QĐ-NHNN ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án ban hành theo Quyết định số 2545/QĐ-TTg; Quyết định 923/QĐ-NHNN ngày 9/5/2018 của NHNN Việt Nam ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công như thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội.

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, đánh giá số liệu từ các báo cáo đã được công bố về thực trạng phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam. Từ đó nhóm tác giả đề xuất giải pháp và kiến nghị để phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong xu hướng nền kinh tế số tại Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về thanh toán không dùng tiền mặt

Thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) là tất cả các khoản thanh toán được thực hiện mà không cần tiền mặt. TTKDTM được thực hiện bằng cách chuyển tiền điện tử (thường là chuyển khoản ngân hàng hoặc thanh toán bằng thẻ thanh toán) [1], [2].

2.2. Khái niệm về nền kinh tế số

Báo cáo “Tương lai nền kinh tế số Việt Nam – Hướng tới năm 2030 và 2045” của Cameron và cộng sự (2019) [3] đưa ra khái niệm theo nghĩa từ rộng đến hẹp: “Nền kinh tế số bao gồm tất cả các doanh nghiệp, dịch vụ có mô hình kinh doanh chủ yếu dựa trên việc mua bán hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số hoặc các thiết bị và cơ sở hạ tầng hỗ trợ”.

2.3. Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế số

Mối quan hệ giữa sự phát triển của nền kinh tế số và phát triển TTKDTM là mối quan hệ tương tác qua lại lẫn nhau, hỗ trợ nhau phát triển. Nền kinh tế này được định nghĩa là nền kinh tế vận hành dựa trên nền tảng công nghệ số, đặc biệt là sử dụng mạng Internet để tiến hành các giao dịch điện tử (Nhóm cộng tác Kinh tế số của Oxford). Mọi khía cạnh, công đoạn của nền kinh tế được số hoá và cả công đoạn thanh toán cũng không ngoại trừ việc thanh toán. Chính vì thế khi nền kinh tế chuyển đổi số thì thanh toán cũng phải số hoá. Ngược lại, từ việc phân tích vai trò của TTKDTM kể trên, TTKDTM sẽ giúp nền kinh tế chuyển đổi số bởi nó làm tăng lưu thông của hàng hoá và tiền tệ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho nền kinh tế từ đó giúp quá trình sản xuất được tinh gọn hơn. Mushkudiani (2018) [4] khẳng định chính TTKDTM lại trở thành nhân tố thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển. Nói theo cách khác thì TTKDTM vừa là khâu đầu và cũng là khâu kết thúc của quá trình sản xuất, nó liên quan đến toàn bộ quá trình lưu thông hàng hoá, tiền tệ của các tổ chức kinh tế và các cá nhân trong xã hội. TTKDTM đã xuất hiện tại Việt Nam từ lâu và được quy định trong nhiều nghị định của Chính phủ nhưng hiện nay nó ngày càng trở nên cấp thiết do xu hướng chuyển đổi số của nền kinh tế.

TTKDTM là một xu thế của tương lai, mang tính tất yếu khách quan. TTKDTM đáp ứng được đòi hỏi tất yếu của sản xuất, lưu thông hàng hoá và những yêu cầu của nền kinh tế hiện đại. Các NHTM có khả năng tổ chức các hình thức TTKDTM thích hợp để thu hút nguồn vốn

nhàn rỗi trong dân cư, góp phần trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, ổn định giá cả, đẩy lùi lạm phát lưu thông hàng hoá và tăng thu nhập quốc dân [5]. Vai trò của TTKDTM trong xu hướng nền kinh tế số có thể được phân loại theo các đối tượng hưởng lợi từ TTKDTM như sau:

Thứ nhất, đối với khách hàng, TTKDTM là một phương thức thanh toán đơn giản, an toàn, tiết kiệm, thuận lợi cho sự trao đổi. Khi có tài khoản giao dịch ở ngân hàng, khách hàng có thể rút tiền ra bất cứ lúc nào chỉ với việc viết một yêu cầu gửi ngân hàng [6], [7]. Việc mang theo tiền mặt bên mình mang lại sự bất tiện như việc phải bảo quản, đối mặt với nguy cơ bị cướp giật, đối mặt với việc được thối lại tiền rách, tiền giả. Theo Hawlk (2020) [8], trong số nhiều người được hỏi nếu chỉ chọn một trong hai để mang theo khi ra đường, giữa ví và điện thoại di động, họ chọn điện thoại di động. Bởi chỉ qua điện thoại có thể đặt xe, đồ ăn, trả tiền bằng ví điện tử... Đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 khi việc sử dụng tiền mặt và ra ngoài mua bán hàng hoá tiềm tàng nguy cơ lây nhiễm virus cho mọi người. Nhiều chuyên gia cho rằng, dịch Covid-19 chính là chất xúc tác góp phần khiến người tiêu dùng nhận ra những lợi ích thiết thực của việc TTKDTM [9].

Thứ hai, đối với ngân hàng, TTKDTM là một công cụ thanh toán bù trừ giữa các ngân hàng không phải dùng đến giấy bạc, giúp cho việc thanh toán thuận lợi và việc lưu thông tiền tệ được nhanh hơn và cũng đồng thời dễ kiểm soát. TTKDTM còn góp phần trong việc huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng tới các tổ chức tín dụng, tạo nguồn cho tài khoản để thực

hiện thanh toán. Loại tiền gửi này cũng là một nguồn vốn cung cấp cho các nghiệp vụ sinh lời của NHTM như nghiệp vụ cho vay. Việc có nguồn cho vay trong tay sẽ giúp ngân hàng giảm chi phí huy động [5]. Theo Nguyễn Thị Sương Thu - NHNN chi nhánh Quảng Ninh, khi NHTM giải ngân bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt sẽ có được nhiều lợi ích. Đầu tiên, đó là góp phần giảm bớt thủ tục hành chính trong việc xử lý hồ sơ vay vốn. Trong qui trình nghiệp vụ cho vay, việc quản lý sử dụng vốn vay của khách được tiến hành ở ba giai đoạn: Trước, trong và sau giải ngân. Nếu giải ngân bằng tiền mặt thì sau khi giải ngân, cán bộ ngân hàng thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách để đánh giá tính chính xác về các mục đích vay vốn. Phương pháp phổ biến để thực hiện đó là yêu cầu khách hàng phải trình đầy đủ các tài liệu, chứng từ về số tiền đã sử dụng. Sử dụng hình thức TTKDTM sẽ bớt đi một phần việc đó là công tác quản lý vốn đã được thực hiện trước khi giải ngân, nhờ vậy việc sử dụng vốn sẽ đi đúng địa chỉ, đúng mục đích giúp giảm bớt cơ hội cho việc sử dụng vốn sai với mục đích đã đăng ký với ngân hàng. Từ đó rút ngắn quá trình thẩm định khách hàng của ngân hàng. Thứ hai là tạo ra sự minh bạch trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của khách hàng vay vốn. TTKDTM giúp tăng cường sự kiểm tra lẫn nhau giữa các cá nhân, các tổ chức kinh tế khi giao dịch, quản lý thu nhập của các doanh nghiệp, các cá nhân để tính thuế thu nhập... Thứ ba là giúp tăng cường sự quản lý củanhà nước đối với các giao dịch trong nền kinh tế để phù hợp với tiêu chuẩn và điều kiện của các định chế tài chính quốc tế. TTKDTM tạo những điều kiện, tiền đề

kinh tế thuận lợi để ngân hàng kiểm soát các hoạt động kinh tế của các khách hàng với mục đích củng cố kỷ luật thanh toán, đảm bảo nguyên tắc thu chi tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thứ tư là tạo điều kiện để đánh giá chính xác tình hình tài chính của khách hàng vay vốn. Các NHTM đánh giá một khách hàng vay vốn được xếp hạng uy tín và hạng tốt dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau. Tuy nhiên, nếu chỉ xét ở khía cạnh sử dụng vốn vay và nguồn tiền trả nợ thì công cụ hữu hiệu nhất để đánh giá là việc sử dụng hình thức TTKDTM ở tất cả các giao dịch tại đơn vị thông qua hệ thống ngân hàng. Thứ năm là tránh được các hệ lụy trong việc sử dụng vốn không đúng mục đích. Việc sử dụng vốn đã được kiểm soát ngay từ đầu theo đúng nơi, đúng địa chỉ nếu giải ngân vốn tín dụng qua TTKDTM.

Thứ ba, đối với nền kinh tế, khối lượng tiền mặt trong lưu thông được tiết kiệm nhờ TTKDTM, qua đó giảm bớt những phí tổn to lớn của xã hội có liên quan đến việc phát hành và lưu thông tiền mặt [6], [7]. Đầu tiên là tiết kiệm chi phí in tiền, sau đó là những chi phí cho việc kiểm đếm, chuyên chở, bảo quản và huỷ bỏ tiền cũ, rách mà vấn đề nhận được nhiều sự chú ý nhất hiện nay đó là việc chuyên chở và bảo quản tiền mặt [6].TTKDTM ở nước ta được tổ chức thành một hệ thống thống nhất. Ngân hàng đóng vai trò là trung tâm thanh toán trong hệ thống này. Quan hệ thanh toán liên quan tới tất cả mọi hoạt động trong xã hội vì trong toàn bộ nền kinh tế mọi hoạt động trao đổi hàng hoá dịch vụ đều được kết thúc bằng thanh toán. Từ đó có thể thấy việc tổ chức tốt công tác thanh toán nói chung và TTKDTM nói riêng có một ý nghĩa và vai trò rất to lớn trong nền

kinh tế. Theo Nguyễn Thị Sương Thu - NHNN chi nhánh Quảng Ninh, nền kinh tế thị trường là cơ sở cho TTKDTM ra đời và phát triển. Tuy vậy, Mushkudiani (2018) [4] khẳng định chính TTKDTM lại trở thành nhân tố thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển. Nói theo cách khác thì TTKDTM vừa là khâu đầu và cũng là khâu kết thúc của quá trình sản xuất, nó liên quan đến toàn bộ quá trình lưu thông hàng hoá, tiền tệ của các tổ chức kinh tế và các cá nhân trong xã hội.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả tiến hành tổng hợp và thống kê số liệu liên quan đến thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam. Nguồn dữ liệu được tổng hợp từ dữ liệu thứ cấp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, báo cáo của các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam và báo cáo của các công ty tài chính cung ứng các dịch vụ thanh toán như các công ty Fintech. Sau đó, nhóm tác giả sử dụng các phương pháp so sánh, thống kê mô tả để đánh giá đúng thực trạng phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

IV. Thực trạng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong xu hướng nền kinh tế số ở Việt Nam

4.1. Thực trạng nền kinh tế số tại Việt Nam

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 vào ngày 03/06/2020. Sau giai đoạn khởi động chuyển đổi số quốc gia thì năm 2021 và cả giai đoạn 2021 – 2025 được giới chuyên gia nhận định là thời điểm để tăng tốc với

những hành động, giải pháp triển khai cụ thể đối với từng bộ, ngành, lĩnh vực và địa phương. Với 3 trụ cột chính trong chuyển đổi số quốc gia là Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trên thế giới đã xây dựng được một chương trình chuyên đề về chuyển đổi số quốc gia được Chính phủ phê duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới

Hiện nay nền kinh tế Việt Nam chưa phải là nền kinh tế số toàn diện mà chỉ tập trung vào một số ngành nghề và lĩnh vực. Ngày 03/10, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Google, Temasek cùng với đối tác Bain & Company công bố mới nhất về nền kinh tế số Đông Nam Á năm 2019 (e-Conomy Southeast Asia 2019). Theo báo cáo, nền kinh tế số của Việt Nam sẽ đạt 12 tỷ USD năm 2019 và đạt 43 tỷ USD vào năm 2025, với các lĩnh vực: Thương mại điện tử, du lịch trực tuyến, truyền thông trực tuyến và gọi xe công nghệ. Xét trên một số tiêu chí liên quan đến nền kinh tế số thì Việt Nam đang đứng đầu ở một số lĩnh vực:

(1) Mạng lưới 5G – Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới thử nghiệm mạng 5G, dự kiến bắt đầu triển khai từ năm 2021.

(2) Học sinh trung học phổ thông có thành tích cao – Trên các bảng xếp hạng quốc tế về các môn khoa học, đọc và toán học, học sinh Việt Nam đạt vị trí ngang bằng hoặc thậm chí cao hơn so với các quốc gia có thu nhập cao.

(3) Giá cước dịch vụ Internet vừa phải – Cước dịch vụ Internet băng thông rộng cố định tại Việt Nam ở mức thấp nhất trong khu vực châu Á Thái Bình Dương (quy đổi theo sức mua tương đương).

Những lĩnh vực thế mạnh của Việt Nam bao gồm xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao và kết quả Chỉ số Đổi mới Toàn cầu có xếp hạng cao. Trong nhiều lĩnh vực khác, Thái Lan đang dẫn đầu. Điều này cũng phù hợp với vị thế thu nhập trung bình cao của Thái Lan so với ba quốc gia còn lại (có thu nhập trung bình thấp) [3]. Việc nền kinh tế số tại Việt Nam đạt một số thành tựu nhất định đã làm bàn đạp phát triển TTKDTM bởi khi tất cả các lĩnh vực ứng dụng công nghệ và số hoá thì hệ thống thanh toán – huyết mạch của nền kinh tế cũng cần được số hoá để đồng bộ.

4.2. Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam

Trước xu hướng nền kinh tế số, TTKDTM ở Việt Nam đòi hỏi phải phát triển với tốc độ nhanh hơn so với các giai đoạn trước đây.

Năm 1994, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã quyết định ban hành “Thẻ lệ thanh toán không dùng tiền mặt”. Như vậy có thể thấy nhà nước ta đã quan tâm đến TTKDTM từ sớm. Các đơn vị và cá nhân thanh toán qua Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước được áp dụng các thể thức: Séc, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Thư tín dụng, Ngân phiếu thanh toán, Thẻ thanh toán.

Năm 2012, theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định. Nghị định này quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm: mở và sử dụng tài khoản thanh toán; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; dịch vụ trung gian thanh toán; tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán.

Năm 2014, Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán. Thông tư này hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán.

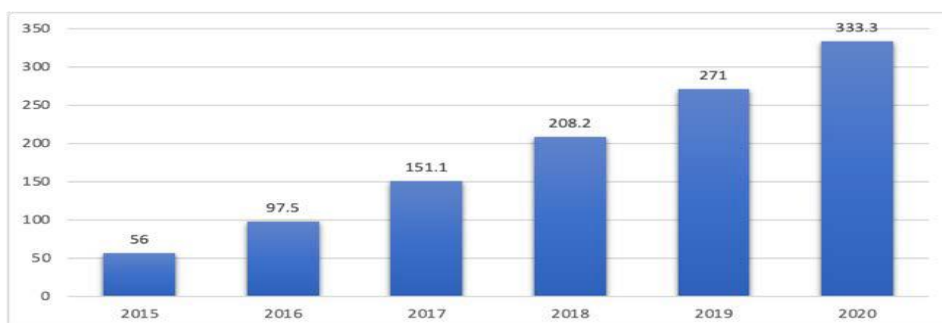
TTKDTM là xu thế tất yếu của toàn thế giới và Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của TTKDTM, cuối năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2545/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển TTKDTM tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020. Đến năm 2020, cả thế giới nói chung và Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Điều này đòi hỏi TTKDTM cần được phát triển mạnh mẽ để giảm cách xã hội. Để tiếp tục thúc đẩy phát triển TTKDTM, thanh toán điện tử đạt được các mục tiêu của Quyết định 2545/QĐ-TTg, đặc biệt trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành liên quan, các địa phương tích cực, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 2545/QĐ-TTg và các Nghị quyết của Chính phủ. Tháng 03/2021, Quyết định số 316/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ ký ngày 09/03, việc triển khai thí điểm Mobile money.

Đến cuối năm 2020, theo Ngân hàng Nhà nước, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 11,05%. Đến hết tháng 4/2021 lại tăng lên mức 11,53%, tương ứng khoảng 1,43 triệu tỷ đồng. Trong khi mục tiêu này tại Quyết định số 2545/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 30/12/2016 là dưới 10%. Như vậy có thể thấy điểm sáng trong thực trạng phát triển TTKDTM tại Việt Nam.

4.2.1. Thanh toán bằng thẻ

Biểu đồ 1. Số giao dịch thanh toán thẻ tại Việt Nam giai đoạn 2015-2020

DVT: Triệu



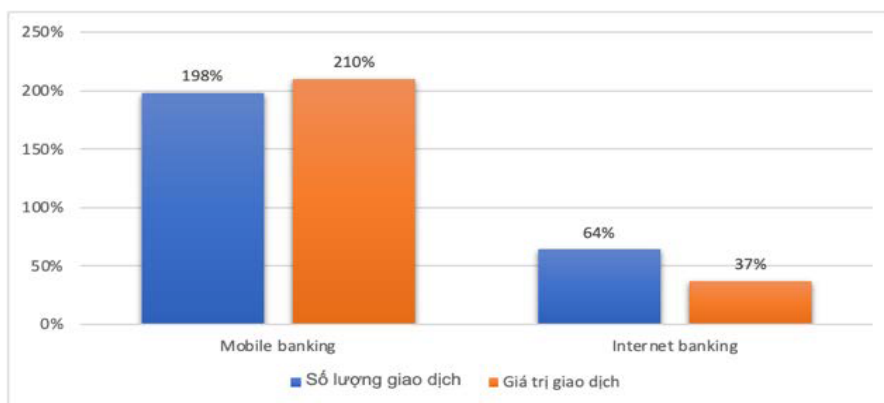
Từ biểu đồ 1, có thể thấy được số lượng thanh toán bằng thẻ đã tăng hơn 5 lần trong 5 năm qua, tăng từ 56 triệu lượt vào năm 2015 lên 271 triệu lượt vào năm 2019 với tốc độ CAGR mạnh 48,3%. Các NHTM đã tích hợp thêm nhiều tính năng vào thẻ ngân hàng để sử dụng thanh toán hàng hóa, dịch vụ; đồng thời, nâng cao

Nguồn: Globaldata, Trung tâm tình báo ngân hàng chất lượng dịch vụ, độ an toàn thanh toán thẻ từ đó giúp khách hàng ngày càng chấp nhận sử dụng thẻ ngân hàng nhiều hơn. Ví dụ như Vietcombank tăng cường tính bảo mật trong giao dịch thanh toán thẻ đó là triển khai tính năng 3D Secure từ tháng 12, năm 2018.

4.2.2. Thanh toán bằng Mobile banking và Internet banking

Biểu đồ 2. Tăng trưởng của Mobile banking và Internet Banking năm 2019 so với 2018 tại Việt Nam

DVT: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cả Internet Banking và Mobile Banking đều gia tăng về số lượng giao dịch và giá trị giao dịch vào 2019 so với 2018. Có thể thấy từ biểu đồ trên, tốc độ gia số lượng giao dịch và giá trị giao dịch

của Mobile Banking đều lớn hơn Internet Banking. Điều này có thể được giải thích là do Mobile Banking được sử dụng trên điện thoại thông minh tiện ích hơn là trên website như Internet Banking.

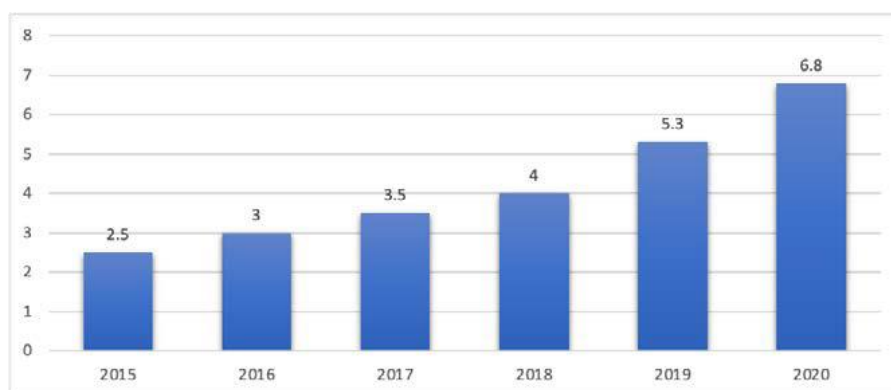
Mobile Banking ra đời vào khoảng năm 2010 với sự phát triển của điện thoại thông minh. Theo thống kê năm 2016, Tổng số thuê bao di động hiện nay lên đến hơn 130 triệu thuê bao (trung bình mỗi người có đến gần 1,5 thẻ sim) trong đó đến 20% sử dụng điện thoại thông minh. Tuy nhiên theo đánh giá xu hướng phát triển trong thời gian tới, với sự phát triển vũ bão của Internet, công nghệ di động (3G, LTE/4G...) và đặc biệt là thị trường điện thoại thông minh và máy tính bảng là tiền đề để Mobile Banking có những bước phát triển nhảy vọt. Qua khảo sát của We are social, với lợi thế cơ cấu dân số vàng với trên 40% người dân số trẻ có độ tuổi từ 10 đến 24 tuổi đã đưa Việt Nam trở thành

4.2.3. Thanh toán bằng ví điện tử

một nước có tỷ lệ dân mua sắm hàng hóa trực tuyến thông qua thiết bị di động lên đến 15% tương đương với các quốc gia như Australia, Brazil,... và đứng trên một số nước có nền kinh tế phát triển về công nghệ như Nhật Bản, Pháp... Theo thống kê có 145,8 triệu kết nối di động tại Việt Nam vào tháng 1 năm 2020. Số lượng kết nối di động tại Việt Nam tăng 2,7 triệu (tăng 1,9%) trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 1 năm 2020. Theo báo cáo của Allied Market Research, thị trường thanh toán di động Việt Nam dự kiến đạt 70,937 triệu USD vào năm 2025, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 18,2% từ năm 2018 đến năm 2025.

Biểu đồ 3. Số lượng ví điện tử được đăng kí sử dụng tại Việt Nam giai đoạn 2015-2020

DVT: Triệu



Nguồn: The Asian Bank

Từ biểu đồ 3 có thể thấy khối lượng giao dịch qua ví điện tử ngày càng gia tăng. Từ năm 2016 đến 2019, khối lượng giao dịch qua ví điện tử giảm dần lần lượt từ 20% xuống 17% và 14%. Đến năm 2019, tốc độ tăng trưởng khối lượng giao dịch đã phục hồi và thậm chí tăng vượt bậc và đạt 33%. Sang đến năm 2020, giống như sản phẩm thẻ ngân hàng, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã làm cho nền kinh tế ảnh hưởng. Điều này cũng ảnh hưởng đến giao

dịch qua ví điện tử. Thực tế cũng cho thấy, trong những năm vừa qua, tại thị trường Việt Nam, các công ty công nghệ tài chính (Fintech) đã cạnh tranh quyết liệt giành thị phần béo bở này khi cho ra mắt hàng loạt các loại ví điện tử có thương hiệu như MoMo, VTC Pay, Bankplus, Payoo, ZaloPay, 1Pay, Vimo, Mobivi, eDong, Ví FPT, eMonkey, Pay365, TopPay, Ngân Lượng, AirPay,... Cụ thể, tính đến tháng 12/2019 có 32 tổ chức không phải là ngân

hàng đã được NHNN cấp phép hoạt động cung ứng các dịch vụ trung gian thanh toán. Phần lớn các đơn vị này cung cấp dịch vụ ví điện tử, hỗ trợ thu hộ chi hộ, chuyển tiền điện tử. Theo Khảo sát của Visa tính đến hết 2020 thì hình thức thanh toán bằng ví điện tử được ưa chuộng nhất tại Việt Nam (15%).

Nhóm tác giả đã tổng hợp ma trận SWOT phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức:

Về điểm mạnh, các cơ quan như Chính phủ, NHNN, các ban ngành đoàn thể cùng các NHTM đã có nhận thức về tầm quan trọng của TTKDTM. Nhiều cán bộ, nhân viên được cử đi tham gia các cuộc hội thảo, các khoá đào tạo về TTKDTM. Ngoài ra, dân số trẻ, trình độ hiểu biết công nghệ ngày càng tăng cao. Số người dân sử dụng Internet luôn thuộc top trong khu vực và trên thế giới. Đã có những văn bản pháp luật tập trung cho chứng thực chữ ký số, xác định danh tính khách hàng, bảo vệ tính riêng tư dữ liệu người tiêu dùng như Nghị định số 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, Nghị định số 87/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền.

Về điểm yếu, nhận thức của người dân về TTKDTM chưa cao và “Văn hoá tiền mặt” vẫn ăn sâu vào tiềm thức và thói quen của người dân. Bên cạnh đó, khung pháp lý chưa thực sự hoàn thiện đối với các dịch vụ thanh toán. Chưa có khung pháp lý cho các công ty Fintech mà mới dừng lại pháp lý cho ví điện tử. Ngoài ra, Việt Nam còn thiếu chuẩn hóa cơ sở thông tin dữ liệu khách hàng, kết nối chia sẻ thông tin giữa các đơn vị cung ứng dịch vụ công

với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Các NHTM phải tự thu thập làm dày thông tin dữ liệu của khách hàng bằng nhiều cách như xây dựng hệ thống nhận dạng thông qua sinh trắc học riêng, chủ động kết nối với các nhà mạng viễn thông thu thập thông tin khách hàng. Từ đó đòi hỏi khoản chi phí rất lớn [10].

Về cơ hội, cuộc sống ngày càng bận rộn, giao dịch ngày càng nhiều khiến việc đi tới các điểm giao dịch nhiều lần vừa tốn thời gian lại tốn chi phí. Đây chính là cơ hội để tiếp tục đơn giản hoá thủ tục thanh toán. Lĩnh vực thanh toán tại Việt Nam có nhiều tiềm năng nên hấp dẫn luồng vốn ngoại. Hơn 500 triệu USD đã được các nhà đầu tư nước ngoài rót vốn vào các doanh nghiệp trung gian thanh toán tại Việt Nam (Fintech Việt) trong năm 2020. Đại dịch Covid-19 và nhiều những hiện tượng thời tiết thất thường khiến nhà nước khuyến nghị giãn cách xã hội và bản thân khách hàng cũng muốn giảm thiểu đi lại, điều này tạo một nguồn cầu lớn đối với TTKDTM. Xu hướng số hoá và chuyển đổi số đang ngày càng được Chính phủ và NHNN tạo điều kiện. Bản thân các NHTM cũng mong muốn chuyển đổi số để có thể cạnh tranh với các công ty Fintech và với chính các NHTM khác. Theo Nguyễn Thuỳ Dương (2021) [11] thì có đến 42% các NHTM trong cuộc khảo sát của công ty kiểm toán Ernst&Young cho biết đang xây dựng chiến lược chuyển đổi số. 28% đã và đang thực hiện triển khai chiến lược chuyển đổi số tích hợp với chiến lược kinh doanh. Bên cạnh đó có 11% đã phê duyệt triển khai chiến lược chuyển đổi số riêng. Việc chuyển đổi số giúp phát triển TTKDTM bởi tất cả các dịch vụ ngân hàng từ mở thẻ, vay vốn, tiết kiệm, đầu tư, bảo hiểm, thanh toán đều sẽ được thực hiện trực tuyến.

Về thách thức, đầu tư công nghệ có thể tốn nhiều ngân sách của các NHTM và các tổ chức cung ứng các dịch vụ thanh toán phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Ví dụ như các NHTM gặp phải thách thức từ sự ra đời của các tổ chức Fintech. Các dịch vụ như ví điện tử có thể đe dọa thị phần và doanh số của các sản phẩm ngân hàng điện tử.

V. Giải pháp và kiến nghị phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong xu hướng nền kinh tế số tại Việt Nam

5.1. Các giải pháp được đề xuất

5.1.1. Đối với các NHTM

Theo khuyến cáo của các ngân hàng trên thế giới, hoạt động Marketing đóng vai trò đóng góp đến 20% tổng lợi nhuận ngân hàng. Do đó hoạt động Marketing ngày càng trở nên quan trọng đối với ngân hàng. Xây dựng chương trình hoạt động cụ thể cho từng giai đoạn hoặc từng thời điểm, trong đó phân đoạn thị trường, phân nhóm khách hàng, các biện pháp để tiếp cận và khẳng định hình ảnh của ngân hàng, đánh giá, dự tính doanh thu chi phí để có ngân sách phù hợp, tiết kiệm nhưng hiệu quả trong quá trình triển khai. Đây mạnh công tác tiếp thị sản phẩm bằng nhiều biện pháp:

- Thiết kế, cập nhật thường xuyên Website với 2 giao diện song ngữ Việt – Anh cung cấp hỗ trợ khách hàng dễ dàng tìm hiểu về sản phẩm ngân hàng.

- Tổ chức các chương trình khuyến mãi hấp dẫn với quảng bá qua tin nhắn di động các chương trình khuyến mại. Tìm hiểu đối tượng khách hàng phục vụ và khi nghiên cứu thị trường nên tập trung vào cả phía cầu lẫn phía cung tức là nghiên cứu nhu cầu thị yếu của khách hàng lẫn các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.

- Các NHTM cần xây dựng chính sách thích hợp về phí dịch vụ thanh toán để khuyến khích khách hàng thực hiện thanh toán trên các kênh định từ. Tăng cường liên kết giữa các NHTM giảm phí giao dịch liên ngân hàng, tạo mức thu phí hợp lý.

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng dịch vụ, ngoài việc quan tâm đến kỹ thuật công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, đào tạo đội ngũ nhân viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng tốt, các NHTM cần:

- Xây dựng các kênh giải quyết, khiếu nại, thắc mắc của khách hàng. Cụ thể thông qua email, điện thoại khách hàng, giao dịch trực tiếp khách hàng, ngân hàng nhanh chóng giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại cho khách hàng.

- Đơn giản hoá thao tác và các bước thực hiện dịch vụ. Đảm bảo các dịch vụ dễ thực hiện, đảm bảo tính thuận tiện, thân thiện với người dùng. Ngôn từ sử dụng dễ hiểu, dễ nhớ, đơn giản, không cầu kỳ, phức tạp.

- Các NHTM cũng cần chú ý nâng cao đạo đức của cán bộ nhân viên ngân hàng bởi khi có nhiều dịch vụ công nghệ phát triển, nhiều cán bộ ngân hàng có thể lợi dụng sự chưa am hiểu của khách hàng để bán chéo nhiều sản phẩm khách hàng không có nhu cầu hay thậm chí mở tài khoản mà không cần thiết.

- Hoàn thiện các sản phẩm, dịch vụ truyền thống sẵn có để có thể duy trì lượng khách hàng hiện tại, thu hút các khách hàng mới, khách hàng tiềm năng, từ đó tiến đến việc giới thiệu, quảng bá các sản phẩm mới. Khi đã đưa được sản phẩm Ebanking vào đời sống của người dân, tạo được lòng tin nơi khách hàng thì việc cung cấp những tiện ích của sản phẩm và sự đa dạng về sản phẩm là một lợi thế cạnh tranh của các NH. Tránh đầu tư công nghệ lan man và dàn

trái. Ví dụ như thay vì hô hào và đầu tư vào Blockchain một cách thái quá, cần phải khôn khéo lựa chọn các sản phẩm để ứng dụng Blockchain phù hợp với hiện trạng của các NHTM Việt Nam. Đo lường lợi nhuận đến sản phẩm để giúp hoạch định kế hoạch kinh doanh tốt hơn và chú trọng về yêu cầu trải nghiệm khách hàng.

- Các NHTM có thể bắt tay với các công ty cung ứng dịch vụ Fintech trước làn sóng ngày một tăng cao của Fintech. Việc nắm bắt thời cơ này sẽ giúp các NHTM nâng cao chất lượng dịch vụ và công ty Fintech sẽ tận dụng được tập khách hàng và uy tín vốn có của ngân hàng. Đây có thể được xem là cộng sinh cùng có lợi.

5.1.2. Đối với các công ty Fintech

Vì các công ty Fintech còn khá mới mẻ với nhiều bộ phận dân cư nên việc mang hình ảnh của mình đến gần với người dùng nhiều hơn nữa là điều vô cùng quan trọng. Trong khi đó các NHTM đã có một tập khách hàng lớn và trung thành, đây là nguồn mà các công ty Fintech có thể khai thác. Việc hợp tác giữa các ngân hàng và Fintech chính là tiền đề để mở rộng và nâng cao dịch vụ tài chính toàn diện tại Việt Nam. Việc kết nối hợp tác giữa ngân hàng - Fintech sẽ giúp 70% dân số còn lại chưa có tài khoản ngân hàng tiếp cận với dịch vụ tài chính số.

5.2. Các kiến nghị được đề xuất

5.2.1. Về phía Chính phủ

Thứ nhất, Chính phủ cần phải tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong điều tiết và giữ ổn định nền kinh tế. Chỉ khi nền kinh tế phát triển ổn định thì các dịch vụ, công nghệ tài chính mới có thể phát triển và từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho TTKDTM.

Thứ hai, Chính phủ có thể xiết chặt hơn quy định về TTKDTM như bắt buộc

phải sử dụng hình thức TTKDTM ở một số dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ công. Nhà nước cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và cơ chế giám sát trong TTKDTM. Những nội dung cần hoàn thiện không chỉ là hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến các hoạt động thanh toán nói chung trong nền kinh tế, cả thanh toán bằng tiền mặt và TTKDTM, mà cần tạo lập một môi trường cạnh tranh công bằng, bảo đảm khả năng tiếp cận thị trường và tiếp cận dịch vụ đối với các chủ thể có chức năng tương tự như nhau. Cơ chế bảo vệ khách hàng hữu hiệu cần được thắt chặt và quy trình giải quyết tranh chấp hiệu quả cần được đảm bảo.

Thứ ba, việc phát triển TTKDTM thông qua phát triển dịch vụ tài chính công còn đối mặt với một số thách thức như thiếu đồng bộ hạ tầng thanh toán, chi phí thực hiện, thói quen, nhận thức,... đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan liên quan, các doanh nghiệp, trong thực hiện các giải pháp phát triển TTKDTM. Từ đó cần tiếp tục hoàn thiện kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của các tổ chức tín dụng với hạ tầng của các cơ quan thuế, hải quan, kho bạc Nhà nước để phục vụ yêu cầu phối hợp thu ngân sách Nhà nước bằng phương thức điện tử. Thanh toán dịch vụ công là vấn đề có tính xã hội cao, do đó, việc phát triển TTKDTM trong khu vực công có thể coi là một giải pháp có hiệu quả, đi tiên phong, mở đường, làm hình mẫu để triển khai TTKDTM tại Việt Nam. Chính phủ nên phát triển các chính sách như chính sách ưu đãi thuế hoặc phí cũng như các khoản vay tài chính phù hợp với lĩnh vực kinh doanh để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ phục vụ cho phát triển TTKDTM. Điều này là hợp lý bởi chi phí chuyển đổi các hình thức thanh toán có thể trở thành trở ngại cho các doanh nghiệp.

Thứ tư, Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để các NHTM tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Hành lang pháp lý đối với phát triển ngân hàng số còn chậm trong ban hành. Khuôn khổ pháp lý mới tập trung cho các hoạt động TTKDTM như chứng thực chữ ký số, xác định danh tính khách hàng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong dịch vụ tài chính, bảo vệ tính riêng tư dữ liệu người tiêu dùng.

Thứ năm, Chính phủ cũng nên tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các công ty khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển trong lĩnh vực Fintech bởi Fintech bao gồm nhiều lĩnh vực trong đó có TTKDTM (ví điện tử, ...) và công nghệ blockchain có thể được ứng dụng vào thanh toán. Các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực Fintech tại Việt Nam đang ngày càng gia tăng. Đây chính là nguồn cho ra đời các công nghệ sáng tạo về các dịch vụ Tài chính – Ngân hàng nói chung. Vì thế Chính phủ có thể có những chính sách hỗ trợ những startup về công nghệ tài chính, thanh toán. Ngoài ra, Chính phủ cũng nên tiếp tục quan tâm đến các ngân hàng trong quá trình chuyển đổi số bởi quá trình này sẽ thúc đẩy nhanh chóng việc TTKDTM.

Thứ sáu, Chính phủ sớm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia để tạo điều kiện kết nối mở cho các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán; có hành lang pháp lý cho bên thứ 3; xây dựng cơ chế e-KYC. Quy định về bảo mật và minh bạch thông tin tại các định chế tài chính cần được tăng cường. Quyền hạn cần được phân hạn rõ, trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động thanh toán, trên cơ sở đó, kiểm soát rủi ro pháp lý thích hợp và đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế được các định chế tài chính, tiền tệ quốc tế khuyến

ngợi hoặc được áp dụng chung ở nhiều quốc gia trên thế giới.

5.2.2. Về phía Ngân hàng Nhà nước

Thứ nhất, NHNN cần tiếp tục triển khai nghiên cứu, xây dựng khuôn khổ pháp lý, môi trường thử nghiệm (regulatory sandbox) để cho phép các công ty Fintech tham gia vào thị trường đặc biệt là mảng thanh toán. Bởi xu hướng kết hợp của NHTM với các công ty Fintech đang ngày càng trở nên phổ biến, việc kết hợp này là một xu hướng của tương lai và cũng là xu hướng tốt bởi nó sẽ giúp các dịch vụ Tài chính – Ngân hàng trở nên ưu việt hơn và giúp thúc đẩy TTKDTM.

Thứ hai, NHNN tăng cường sự phối hợp truyền thông của các cơ quan bộ, ngành liên quan, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, các đơn vị chấp nhận thanh toán, các sàn thương mại điện tử để thực hiện phát triển TTKDTM tại Việt Nam. Các Bộ, ngành liên quan cần quan tâm, chỉ đạo mạnh mẽ hơn nữa trong việc yêu cầu các đơn vị cung ứng dịch vụ công:

- Xây dựng, chuẩn hóa cơ sở thông tin dữ liệu khách hàng, kết nối chia sẻ thông tin giữa các đơn vị cung ứng dịch vụ công với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để phục vụ thanh toán tiền học phí qua ngân hàng.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng việc kết nối với hệ thống kỹ thuật của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán,...

Để đảm bảo an ninh bảo mật cho hoạt động tại hệ thống các ngân hàng cần xây dựng kiến trúc bảo mật an toàn tổng thể, xây dựng hệ thống phân tích gian lận, hệ thống cảnh báo sớm các giao dịch đáng nghi ngờ, sự cố, rủi ro có thể xảy ra. Hệ thống này giúp các ngân hàng hạn chế rủi

ro trong hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động Ebanking nói riêng, tránh tình trạng xảy ra lỗi giao dịch, gian lận xảy ra ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh chongân hàng, làm giảm lòng tin giữa khách hàng với ngân hàng. Thay vì bỏ ra chi phíkhắc phục sự cố các ngân hàng cần đầu tư xây dựng các hệ thống dự phòng, cảnh báo sự cố, hệ thống phân tích những rủi ro gian lận xảy ra để hạn chế và có biện phápngăn chặn rủi ro kịp thời.

Thứ ba, NHNN đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM, giáo dục tài chính, tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ thanh toán. Thông qua các chươngtrình giáo dục tài chính sẽ góp phần thay đổi nhận thức và thói quen của người dântrong thanh toán, giúp giảm thiểu rủi ro cho khách hàng khi sử dụng các sản phẩmdịch vụ tài chính ngân hàng, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đối với công chúng, từđó góp phần phát triển TTKDTM. Việc tuyên truyền một cách cụ thể cho các hoạtđộng TTKDTM hiện nay sẽ giúp khách hàng hiểu hơn, nắm được ưu nhược điểm của từng phương thức thanh toán.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Akhalumeh, P. B., & Ohiokha, F. (2012). Nigeria's cashless economy: The imperatives. *International Journal of Management and Business Studies*, 2(2), 31-36.
- [2]. Koudelkova, N. (2017, March 14). Non-cash means of payment. Migration and Home Affairs - European Commission.

[3]. Cameron, A., Pham, T. H., Atherton, J., Nguyen, D. H., Nguyen, T. P., Tran, S. T., Nguyen, T. N., Trinh, H. Y. & Hajkowicz, S. (2019). Tương lai nền kinh tế số Việt Nam – Hướng tới năm 2030 và 2045.

[4]. Mushkudiani, N. (2018). Development of electronic payments in Georgia. *Economics and Culture*, 15(2), 64–74. <https://doi.org/10.2478/jec-2018-0021>

[5]. Dimov, Y. (2011). Non-Cash Payments Role Of The Banking Sector In Non-Cash Payments Settlement: Case Of Cibank. 55.

[6]. Ejiofor, V. E., & Rasaki, J. O. (2020). Realising the benefits and challenges of cashless economy in Nigeria: IT perspective. *International Journal of Advances in Computer Science and Technology*, 1(1), 7. <http://warse.org/pdfs/ijacst02112012.pdf>

[7]. Pritchard, J. (2020). Cashless Society Pros and Cons. The Balance. Retrieved March 5, 2021, from <https://www.thebalance.com/pros-and-cons-of-moving-to-a-cashless-society-4160702>

[8]. Hawk, K. (2020). What is a mobile wallet, and should you use one? Credit Karma. <https://www.creditkarma.com/credit-cards/i/what-is-a-mobile-wallet>

[9]. Mỹ Trang (2020). Covid-19: Cú hích giúp thanh toán online phát triển. Tạp chí Nhân dân điện tử.

[10]. Thiều Quang Hiệp (2020). Phát triển ngân hàng số ở Việt Nam: Thực trạng và đề xuất. Tạp chí Tài chính.

[11]. Nguyễn Thùy Dương (2021). Thực trạng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam. Diễn đàn Tương lai chiến lược ngân hàng số tại Việt Nam.

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Mở Hà Nội
Email: nguyenthuylinh@hou.edu.vn

